

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Lành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Xuân T**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thùy L**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(*ông T có mặt, bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Xuân T trình bày:

Ông T và bà L chung sống với nhau từ ngày 09/10/1991, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An ngày 06/02/2002 (Số 21/2002). Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung: Lê Tấn Lợi, sinh ngày 05/7/1992 và Lê Thị Ngọc Bích, sinh ngày 11/7/1997 và Lê Ngọc Xuân Phương, sinh ngày 01/01/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng mười năm trở lại đây, tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bà L thường xuyên chê bai ông T, cuộc sống vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng. Ông T hiện đã ra ngoài sinh sống, ly thân với bà L khoảng gần một năm nay. Ông T nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm với bà L, do đó ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông T yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Lê Xuân T đồng ý giao con chung tên Lê Ngọc Xuân Phương, sinh ngày 01/01/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với Lê Tấn Lợi, sinh ngày 05/7/1992 và Lê Thị Ngọc Bích, sinh ngày 11/7/1997, do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L có ý kiến: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T về thời gian kết hôn, con chung, nợ chung, tài sản chung. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gìn gia đình cho các con.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Xuân Phương, sinh ngày 01/01/2008 (giới tính: Nữ), ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đối với 02 con chung tên Lê Tấn Lợi, sinh ngày 05/7/1992 và Lê Thị Ngọc Bích, sinh ngày 11/7/1997, do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L.

[3] Về hôn nhân giữa ông T với bà L: Ông T cho rằng hôn nhân giữa ông và bà L không hạnh phúc, tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu. Vợ chồng không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau, ông T không còn tình cảm với bà L. Quá trình giải quyết vụ án, bà L có tham gia hòa giải, trình bày ý kiến nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

nhận thấy, hôn nhân là sự tự nguyện gắn kết từ hai phía, ông T không còn tình cảm với bà L, hiện vợ chồng đã sống ly thân, ông T kiên quyết muốn ly hôn với bà L. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng kết quả không thành. Do đó, nhận thấy tình trạng hôn nhân hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà L.

[4] Về con chung: Ông T và bà L 03 con chung, trong đó có 01 con chung chưa thành niên tên Lê Ngọc Xuân Phương, sinh ngày 01/01/2008 (Giới tính: Nữ), khi ly hôn ông T đồng ý giao cho bà L nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà L đồng ý. Xét thấy, cháu Phương là con gái, có nguyện vọng được ở với mẹ và bà L cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên việc giao cháu Phương cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các bên và sự phát triển tâm lý bình thường của con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là để đảm bảo quyền lợi của con nên ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân T về việc “Ly hôn” với bà Nguyễn Thị Thùy L.

1.1. Về hôn nhân: Ông Lê Xuân T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

1.2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Xuân Phương, sinh ngày 01/01/2008 (giới tính: Nữ) cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc ông Lê Xuân T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai số 0010990 ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa sang thi hành án phí. Ông T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hoá;
- UBND Thị trấn Thạnh Hóa, Thạnh Hóa, LA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thúy Lành

